

Ngày 13/07/2026



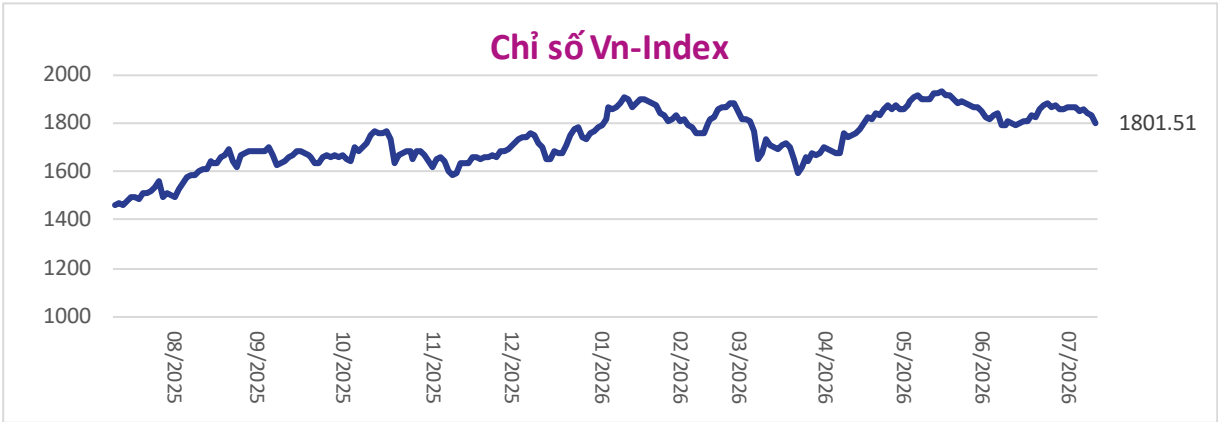
# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

GIỮA PHIÊN



## Tổng quan thị trường

1801.51 -26.83 -1.47%

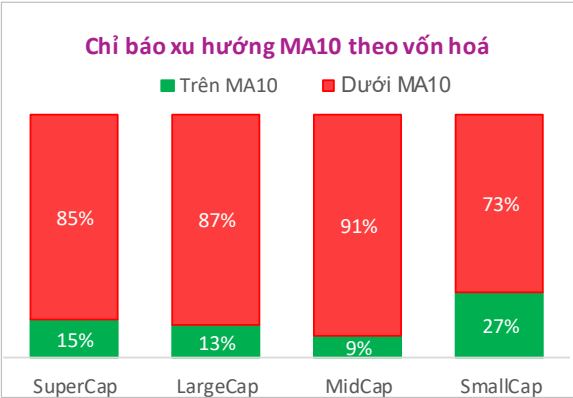


Phiên giao dịch sáng ngày 13/07/2026, chỉ số Vn-Index đang giảm điểm mạnh, và số lượng mã giảm đang chiếm ưu thế. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index giảm -26,83 điểm, và đang vận động dưới đường trung bình 10 ngày. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: VCB(-1,8%), BID(-1,7%), VHM(-3,0%), CTG(-2,2%), TCB(-1,7%), HPG(-1,1%), VIC(-1,5%), VPB(-2,2%), VNM(-1,4%), GVR(-2,0%), MBB(-1,0%).

Trong tháng 7/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -3.645 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -84.321 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch sáng nay, khối ngoại đang bán ròng -375 tỷ đồng.

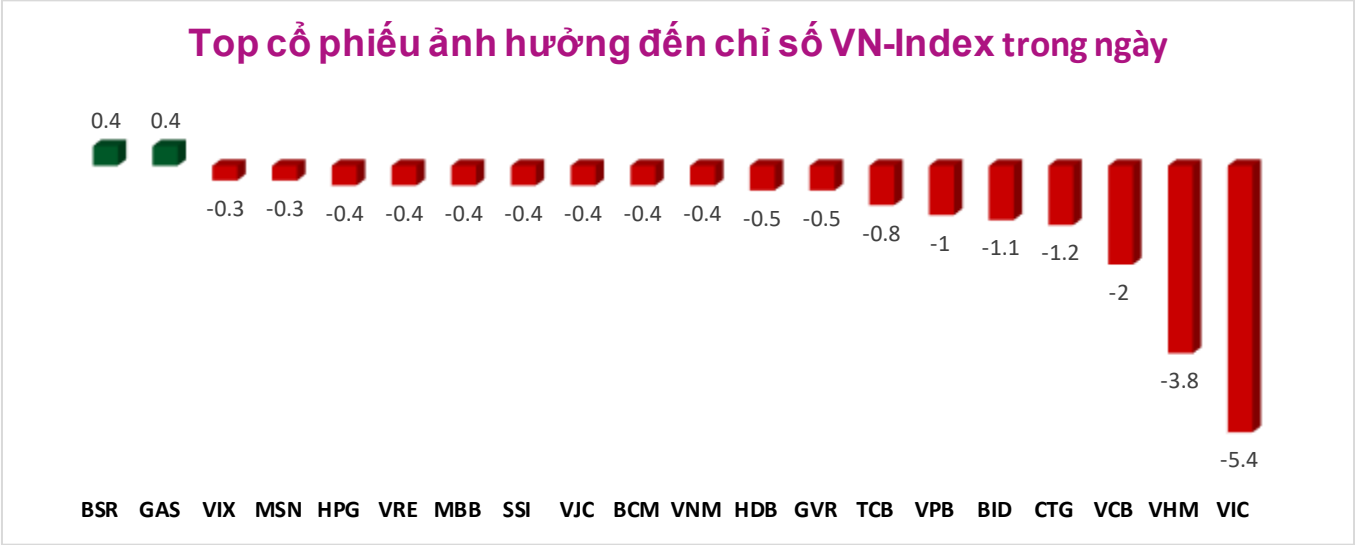
## Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

| Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành |                |               |
|----------------------------------|----------------|---------------|
| Ngân hàng ↓                      | Bất động sản ↓ | Chứng khoán ↓ |
| Thép ↓                           | Phân bón ↓     | Công nghệ ↓   |
| Dầu khí ↓                        | Khu CN ↓       | Thủy sản ↓    |
| Bảo hiểm ↓                       | Xây dựng ↓     | Cảng biển ↓   |
| Mía đường ↓                      | Bán lẻ ↓       | Dệt may ↓     |

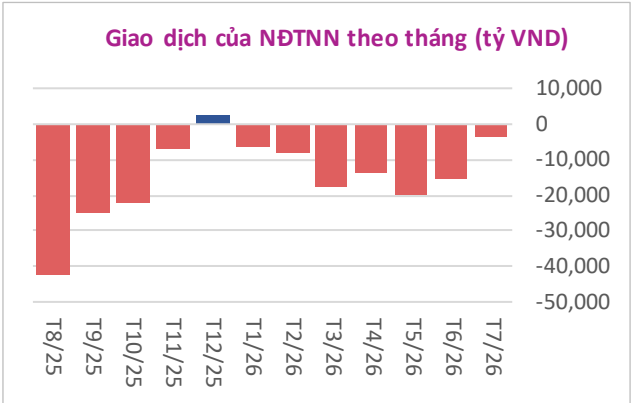
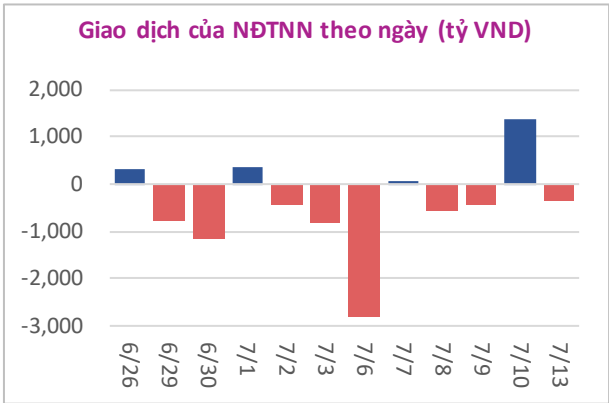


# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

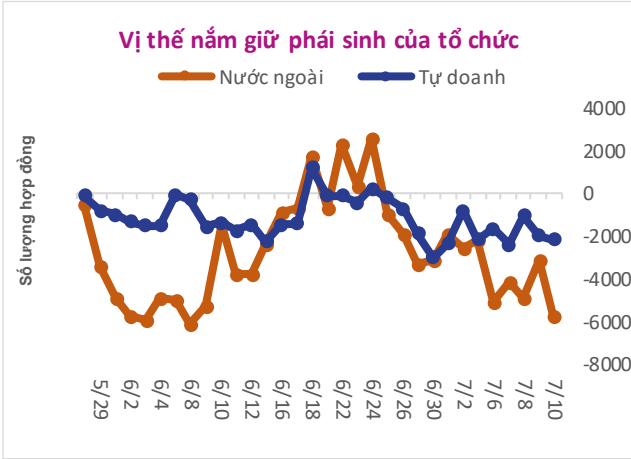
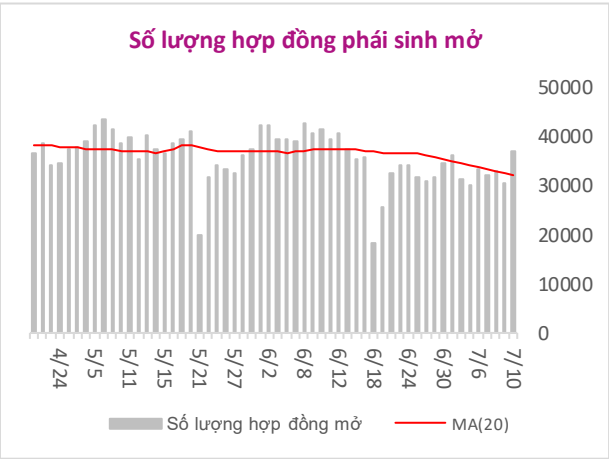
## Nhóm dẫn dắt thị trường



## Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài



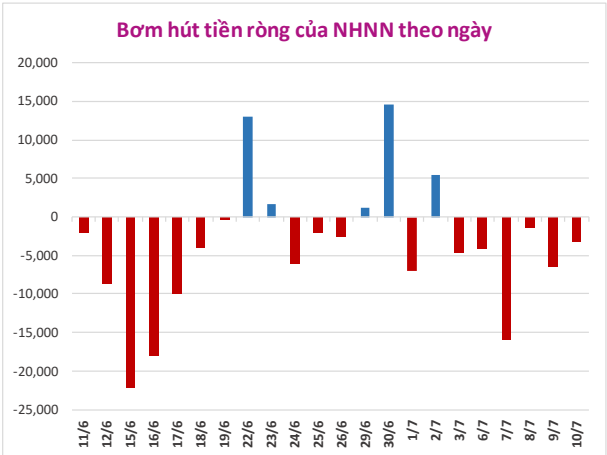
## Thị trường phái sinh VN30



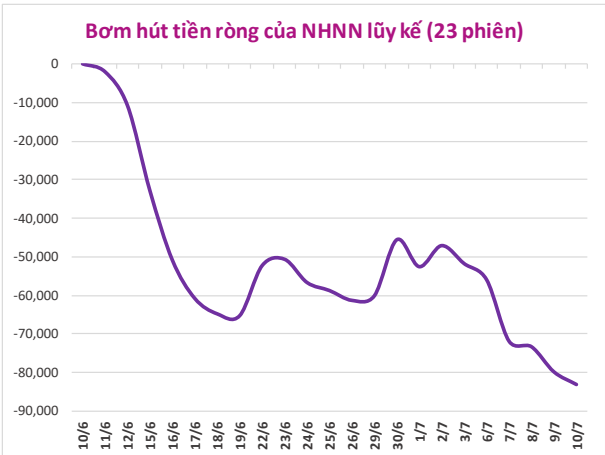
Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Bơm hút tiền ròng của NHNN theo ngày



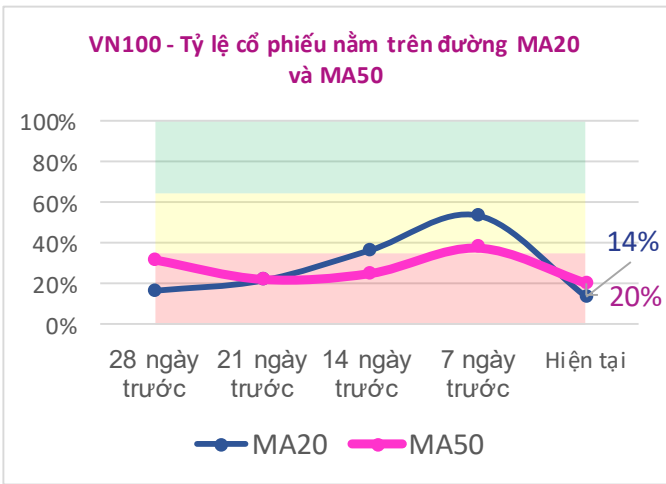
Bơm hút tiền ròng của NHNN lũy kế (23 phiên)



## Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

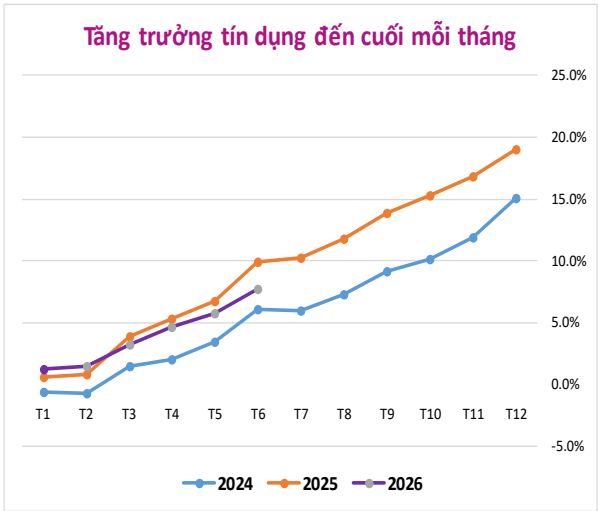
|            |            |            |            |             |
|------------|------------|------------|------------|-------------|
| BSR (+2.9) | GAS (+1.4) | LPB (+0.8) | ACB (+0.6) | FPT (-0.5)  |
| SSB (-0.5) | POW (-0.6) | VIX (-0.7) | GEX (-0.7) | VRE (-0.9)  |
| VJC (-0.9) | MSN (-0.9) | PNJ (-1.0) | BID (-1.2) | CTG (-1.4)  |
| VPB (-1.6) | TCB (-2.5) | VCB (-2.7) | VIC (-3.8) | VHM (-10.1) |

## Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50

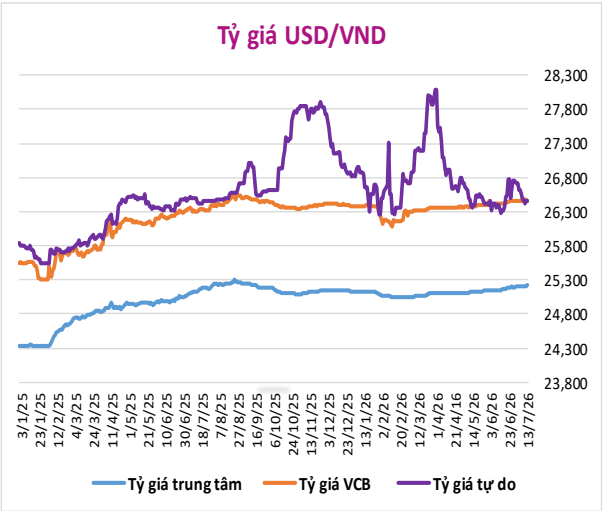


## Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá

Tăng trưởng tín dụng đến cuối mỗi tháng



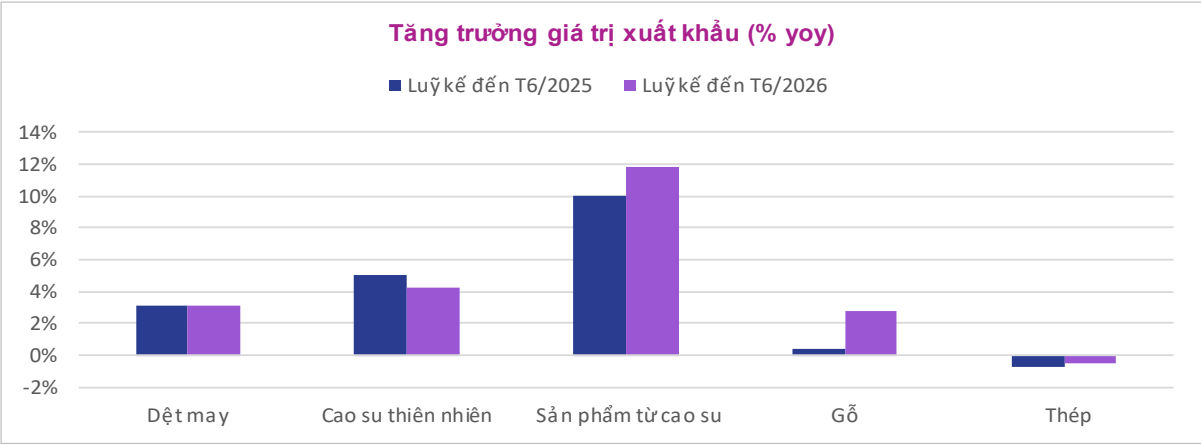
Tỷ giá USD/VND



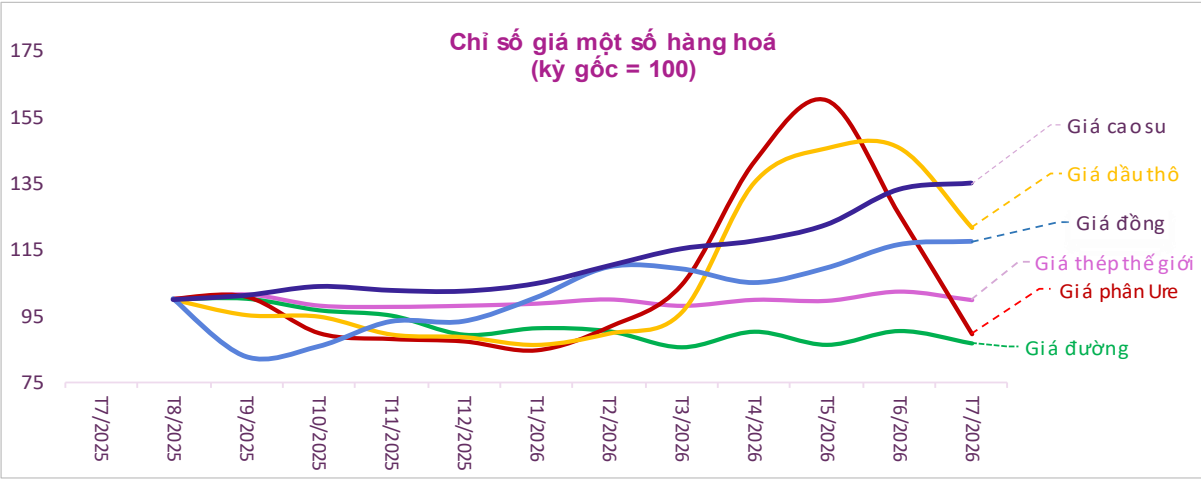
## Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

| Chỉ tiêu                       | 04/2026 | 05/2026 | 06/2026 | Nhận xét                                                                                      |
|--------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chỉ số PMI                     | 50.5    | 52.8    | 51.8    | PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, nhưng có phần giảm nhẹ so với tháng trước                  |
| Sản xuất công nghiệp (YoY)     | 9.3%    | 10.1%   | 12.7%   | Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp                           |
| Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY) | 12.1%   | 11.8%   | 14.8%   | Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 6/2026 đạt mức cao nhất kể từ 1/2023 |
| Kim ngạch xuất khẩu (YoY)      | 22.8%   | 18.0%   | 28.1%   | Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao; tháng 6 đạt mức tăng cao nhất trong 5 tháng gần nhất  |
| Kim ngạch nhập khẩu (YoY)      | 35.7%   | 33.8%   | 45.7%   | Duy trì tăng trưởng cao; tăng trưởng mạnh trong tháng 6 và là nhập siêu tháng thứ 7 liên tiếp |
| Tỷ lệ lạm phát (YoY)           | 5.5%    | 5.6%    | 4.7%    | Lạm phát vẫn ở mức cao, nhưng có phần hạ nhiệt so với 2 tháng trước đó                        |
| Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)       | 0.0%    | 0.1%    | 0.27%   | Tỷ giá ít biến động nhiều tháng gần đây                                                       |

## Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



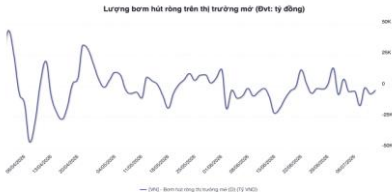
## Diễn biến giá một số loại hàng hoá



ĐIỂM TIN

TIN NỔI BẬT

**NHNN quay đầu hút ròng 5 phiên liên tiếp, lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt:** Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã quay đầu hút ròng xấp xỉ 31.380 tỷ đồng qua kênh OMO sau hai tuần bơm ròng liên tiếp. Sự đảo chiều này diễn ra khi lượng vốn đáo hạn (hơn 47.500 tỷ đồng) vượt trội so với lượng cho vay cầm cố giấy tờ có giá (16.181 tỷ đồng). Động thái hút ròng đã đưa tổng lượng lưu hành qua kênh cầm cố giảm về 207.820 tỷ đồng. Nhờ sự điều tiết linh hoạt, áp lực thanh khoản hệ thống dần hạ nhiệt giúp lãi suất liên ngân hàng đồng loạt giảm vào cuối tuần, với kỳ hạn qua đêm lùi về 4,68%/năm. Mặc dù áp lực từ tỷ giá và cuộc đua lãi suất huy động trên thị trường 1 vẫn hiện hữu, các công cụ điều hành ngắn hạn của NHNN vẫn đang phát huy tính ổn định. (Nguồn: vietnambiz.vn, NHNN, Widata)



TIN QUỐC TẾ

**Mỹ và Iran tranh giành quyền kiểm soát Hormuz, giá dầu thô bật tăng:** Căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ và Iran bùng phát dữ dội khi hai bên liên tục tiến hành các cuộc tấn công quân sự trả đũa nhằm tranh giành quyền kiểm soát eo biển chiến lược Hormuz. Trong khi Iran tuyên bố đóng cửa eo biển này và yêu cầu các tàu thương mại di chuyển theo tuyến đường phía bắc thuộc lãnh hải của mình, thì phía Mỹ (CENTCOM) và Tổng thống Donald Trump lập tức phủ nhận, khẳng định tuyến đường huyết mạch này vẫn mở cửa an toàn cho hoạt động hàng hải hợp pháp. Do lo ngại gián đoạn nguồn cung từ "yết hầu" năng lượng của thế giới, giá dầu thô toàn cầu đã lập tức phản ứng mạnh: dầu WTI tăng 3,4% lên 73,87 USD/thùng, và dầu Brent cũng bứt phá 3,5% chạm mức 78,67 USD/thùng. (Nguồn: vietnambiz.vn)

**Dòng chảy FDI rẽ hướng - Thách thức lớn cho các nước đang phát triển:** Báo cáo của UNCTAD chỉ ra dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu đang phục hồi nhưng theo xu hướng "chọn lọc" và phân hóa sâu sắc, đặt ra thách thức lớn cho các nền kinh tế đang phát triển. Thay vì dàn trải, dòng vốn quốc tế hiện tập trung mạnh vào các nền kinh tế phát triển và chuyển hướng vào nhóm ngành chiến lược có hàm lượng công nghệ, vốn cao như bán dẫn, hạ tầng AI, khoáng sản thiết yếu và năng lượng xanh. Sự thay đổi căn bản này có nguy cơ làm nới rộng khoảng cách phát triển khi các quốc gia đang phát triển chỉ ghi nhận mức tăng trưởng vốn khiêm tốn. Để không bị bỏ lại phía sau, các nước đang phát triển buộc phải đổi mới tư duy, nâng cấp nền tảng nội lực nhằm thu hút dòng vốn ngoại chất lượng cao. (Nguồn: stockbiz.vn)

TIN THỊ TRƯỜNG

**Thị trường Mỹ ghi nhận sắc xanh đồng thuận trong phiên giao dịch với đà tăng trưởng ổn định ở cả ba chỉ số lớn.** Chỉ số Dow Jones tăng 149,60 điểm (+0,29%), đóng cửa ở mức 52.637,01 điểm. Trong khi đó, S&P 500 thể hiện hiệu suất tốt nhất trong nhóm khi tăng 31,75 điểm, tương đương 0,42%, đạt mốc 7.575,39 điểm. Chỉ số thiên về công nghệ Nasdaq cũng tăng thêm 74,72 điểm (+0,29%), dừng chân tại mốc 26.281,61 điểm. Nhìn chung, tâm lý đồng tiền tại Phố Wall đang duy trì trạng thái khá tích cực khi toàn bộ các chỉ số cốt lõi đều giữ vững đà tăng điểm ổn định, tạo nền tảng tâm lý lạc quan cho các phiên giao dịch tiếp theo. (Nguồn: VIX tổng hợp)

**Giá xăng dầu hôm nay ghi nhận đà tăng mạnh trên thị trường quốc tế do căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông.** Các cuộc không kích mới giữa Mỹ và Iran cùng lo ngại gián đoạn nguồn cung qua eo biển Hormuz đã đẩy giá dầu thô vọt tăng khoảng 4%. Cụ thể, dầu thô WTI của Mỹ tăng lên mức 74,33 USD/thùng, trong khi dầu Brent chuẩn toàn cầu tiến sát mốc 79 USD/thùng. Ngược lại với xu hướng thế giới, giá bán lẻ xăng dầu trong nước hiện vẫn được duy trì ở mức thấp sau kỳ điều hành giá gần nhất. Giá xăng E5 RON 92 hiện ở mức 19.191 đồng/lít, xăng RON 95-III là 20.003 đồng/lít và dầu diesel có giá 21.745 đồng/lít. Tuy nhiên, trước đà bứt phá của thị trường toàn cầu, giá xăng dầu trong nước được dự báo sẽ chịu áp lực tăng trở lại trong kỳ điều chỉnh tới. (Nguồn: VIX tổng hợp)

**Giá vàng hôm nay tiếp tục neo ở mức cao dù thị trường thế giới ghi nhận xu hướng điều chỉnh.** Tại thị trường trong nước, giá vàng miếng SJC được các doanh nghiệp lớn như DOJI, PNJ niềm yết đồng thuận ở mức 146,9 triệu đồng/lượng (mua vào) và 149,9 triệu đồng/lượng (bán ra). Vàng nhẫn trơn 9999 cũng duy trì trạng thái bình ổn, dao động quanh ngưỡng 145 triệu đồng/lượng chiều mua và chạm mốc 149 triệu đồng/lượng ở chiều bán. Trên thế giới, giá vàng giao ngay đang giao dịch quanh vùng 4.101 USD/ounce. Áp lực từ lợi suất trái phiếu Mỹ cùng tâm lý chờ đợi báo cáo lạm phát CPI cốt lõi khiến dòng tiền quốc tế tạm thời hạ nhiệt. Tuy nhiên, nhờ lực cầu tích lũy mạnh mẽ từ các ngân hàng trung ương, giá vàng được dự báo vẫn giữ vững xu hướng tăng dài hạn (Nguồn: VIX tổng hợp)

| CHỈ SỐ        | ĐIỂM     | +/-    | +/- (%) |
|---------------|----------|--------|---------|
| Dow Jones     | 52637.01 | 149.60 | 0.29    |
| S&P 500       | 7575.39  | 31.75  | 0.42    |
| Nasdaq        | 29825.11 | 98.01  | 0.33    |
| FTSE100       | 10497.29 | -14.30 | -0.23   |
| Euro Stoxx 50 | 6269.97  | -14.30 | -0.23   |
| DAX           | 25067.09 | -51.18 | -0.20   |
| Nikkei 225    | 68557.73 | 813.88 | 1.2%    |
| Shanghai      | 3996.16  | -40.43 | -1.00   |
| KOSPI         | 7475.94  | 184.03 | 2.52    |

TIN TRONG NƯỚC

**IMF nâng dự báo tăng trưởng Việt Nam năm 2026 lên 7,5% - cao nhất ASEAN:** Thông tin được nêu ra trong báo cáo triển vọng kinh tế thế giới cập nhật World Economic Outlook (WEO) tháng 7 mới công bố. Với mức dự báo 7,5%, Việt Nam vượt xa mức tăng trưởng bình quân của nhóm ASEAN-5 là 4,1% trong năm 2026. Nhiều nền kinh tế lớn trong khu vực được dự báo tăng trưởng thấp hơn đáng kể, như Malaysia 4,7%, Indonesia 5%, Philippines 3,9% và Thái Lan 1,9%. IMF cho biết việc nâng dự báo phản ánh "xuất khẩu công nghệ mạnh hơn dự kiến, cùng với nhu cầu trong nước tiếp tục duy trì vững". Đây được xem là hai động lực chính giúp kinh tế Việt Nam cải thiện triển vọng tăng trưởng trong năm nay. (Nguồn: vietnambiz.vn)

**[Cập nhật] KQKD ngân hàng 6 tháng đầu năm: Vietcombank hé lộ con số, hai nhà băng có lợi nhuận tăng 79 - 80%:** Theo cập nhật mới nhất đến sáng 12/7, đã có hai ngân hàng công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm với mức tăng trưởng lợi nhuận tích cực. Lợi nhuận ABBank tăng 80% so với cùng kỳ năm trước trong khi Vietbank tăng 79,4%. Trong khi đó, lãnh đạo ngân hàng Vietcombank hé lộ, tính đến ngày 30/6/2026, tổng tài sản Vietcombank đạt gần 2,67 triệu tỷ đồng, tăng 9,83% so với cuối năm 2025. Huy động vốn từ thị trường đạt trên 1,75 triệu tỷ đồng; dư nợ tín dụng đạt 1,74 triệu tỷ đồng, tăng 4,8%. (Nguồn: vietnambiz.vn)

# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## Danh mục theo dõi trung hạn

| STT | Mã  | Ngành           | Chỉ số cơ bản |             |                  |                  |                       |                       | Chỉ số định giá |        |      |         | Giá thị trường (13/7/26) |
|-----|-----|-----------------|---------------|-------------|------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------|--------|------|---------|--------------------------|
|     |     |                 | % LNST        | % LNST      | Biên lợi         | Biên lợi         | ROE Chỉ số            | ROA Chỉ số            | Book Value      | EPS    | P/B  | P/E     |                          |
|     |     |                 | Q3/25 (YoY)   | Q4/25 (YoY) | nhuận ròng Q3/25 | nhuận ròng Q4/25 | (TTM) Năm: 2025 (TTM) | (TTM) Năm: 2025 (TTM) |                 |        |      |         |                          |
| 1   | ACB | Ngân hàng       | 10.6%         | -38.7%      | 51.1%            | 33.9%            | 17.6%                 | 1.7%                  | 18,401          | 3,042  | 1.22 | 7.4     | 22,500                   |
| 2   | ANV | Thủy sản        | 915.5%        | 4610.8%     | 14.2%            | 11.9%            | 31.6%                 | 18.7%                 | 13,226          | 3,748  | 1.43 | 5.0     | 18,900                   |
| 3   | BFC | Phân bón        | 14.0%         | -29.9%      | 3.6%             | 2.8%             | 19.3%                 | 8.6%                  | 29,657          | 7,003  | 1.83 | 7.8     | 54,400                   |
| 4   | BID | Ngân hàng       | 16.7%         | 45.3%       | 28.8%            | 38.2%            | 18.8%                 | 1.0%                  | 24,726          | 4,342  | 1.63 | 9.3     | 40,300                   |
| 5   | BMP | VLXD            | 21.0%         | 13.2%       | 22.9%            | 20.3%            | 44.0%                 | 37.4%                 | 35,151          | 15,010 | 4.17 | 9.8     | 146,700                  |
| 6   | BSR | Dầu khí         | 175.1%        | 3739.7%     | 2.6%             | 8.1%             | 8.9%                  | 6.0%                  | 12,079          | 1,036  | 2.14 | 24.9    | 25,850                   |
| 7   | CTD | Xây dựng        | 217.2%        | 117.8%      | 4.0%             | 2.3%             | 8.6%                  | 2.5%                  | 90,563          | 7,540  | 0.74 | 8.9     | 67,100                   |
| 8   | CTG | Ngân hàng       | 63.9%         | 12.3%       | 37.8%            | 47.4%            | 21.1%                 | 1.3%                  | 23,129          | 4,488  | 1.42 | 7.3     | 32,950                   |
| 9   | CTR | Xây dựng        | 15.5%         | 8.8%        | 4.3%             | 4.1%             | 30.5%                 | 7.8%                  | 18,086          | 5,242  | 3.98 | 13.7    | 72,000                   |
| 10  | DCM | Phân bón        | 171.9%        | 16.6%       | 11.0%            | 10.3%            | 18.7%                 | 11.7%                 | 20,390          | 3,706  | 1.58 | 8.7     | 32,200                   |
| 11  | DGC | Hóa chất        | 9.0%          | -16.3%      | 28.6%            | 24.0%            | 20.8%                 | 17.1%                 | 40,566          | 8,397  | 1.12 | 5.4     | 45,600                   |
| 12  | DGW | Bán lẻ          | 39.2%         | 10.3%       | 2.3%             | 2.0%             | 16.9%                 | 5.5%                  | 15,690          | 2,508  | 2.46 | 15.4    | 38,550                   |
| 13  | DHA | Khai thác đá    | 111.3%        | 146.3%      | 32.8%            | 18.4%            | 24.0%                 | 21.7%                 | 32,319          | 7,258  | 1.48 | 6.6     | 47,700                   |
| 14  | FOX | Viễn thông      | 26.2%         | 22.8%       | 18.4%            | 17.3%            | 31.2%                 | 13.7%                 | 15,202          | 4,719  | 4.47 | 14.4    | 68,000                   |
| 15  | FPT | Phần mềm        | 17.1%         | 19.5%       | 16.9%            | 14.8%            | 23.6%                 | 11.7%                 | 25,683          | 6,590  | 2.76 | 10.7    | 70,800                   |
| 16  | GAS | Dầu khí         | 1.3%          | -32.4%      | 7.3%             | 3.2%             | 17.7%                 | 13.0%                 | 28,038          | 4,796  | 2.71 | 15.8    | 75,900                   |
| 17  | GEG | Điện            | 267.5%        | 676.3%      | 11.9%            | 16.3%            | 11.5%                 | 4.6%                  | 15,665          | 2,282  | 0.84 | 5.7     | 13,100                   |
| 18  | GMD | Dịch vụ         | -3.6%         | 76.4%       | 27.7%            | 40.9%            | 11.7%                 | 8.9%                  | 34,842          | 5,162  | 2.18 | 14.70   | 75,900                   |
| 19  | HAG | Nông nghiệp     | 23.1%         | 345.5%      | 22.8%            | 50.7%            | 18.1%                 | 8.6%                  | 11,191          | 1,762  | 1.30 | 8.23    | 14,500                   |
| 20  | HDG | Bất động sản    | 85.0%         | 482.5%      | 47.2%            | 42.2%            | 9.0%                  | 4.9%                  | 22,644          | 2,570  | 0.83 | 7.33    | 18,850                   |
| 21  | HHV | Xây dựng        | 23.3%         | 58.1%       | 16.7%            | 16.7%            | 5.1%                  | 1.5%                  | 24,481          | 1,364  | 0.43 | 7.70    | 10,500                   |
| 22  | HPG | Thép            | 32.8%         | 38.4%       | 11.0%            | 8.4%             | 12.6%                 | 6.4%                  | 17,096          | 2,021  | 1.33 | 11.23   | 22,700                   |
| 23  | HT1 | Xi măng         | 278.5%        | 413.6%      | 4.6%             | 4.3%             | 5.5%                  | 3.5%                  | 13,336          | 718    | 0.97 | 18.04   | 12,950                   |
| 24  | KBC | Bất động sản    | 54.8%         | 2477.5%     | 23.2%            | 40.3%            | 9.1%                  | 3.8%                  | 28,399          | 2,365  | 0.99 | 11.86   | 28,050                   |
| 25  | KDH | Bất động sản    | 692.5%        | 101.7%      | 47.9%            | 43.7%            | 5.2%                  | 3.2%                  | 18,865          | 1,456  | 1.06 | 13.71   | 19,950                   |
| 26  | LCG | Xây dựng        | 9.6%          | 130.2%      | 7.1%             | 4.7%             | 5.7%                  | 2.2%                  | 13,112          | 723    | 0.63 | 11.43   | 8,260                    |
| 27  | MCH | Thực phẩm       | -18.9%        | -11.1%      | 22.6%            | 22.7%            | 44.5%                 | 21.6%                 | 17,480          | 6,336  | 7.68 | 21.18   | 134,200                  |
| 28  | MML | Thực Phẩm       | 419.5%        | 79.6%       | 4.3%             | 6.3%             | 11.6%                 | 5.0%                  | 15,282          | 1,819  | 1.83 | 15.39   | 28,000                   |
| 29  | MSH | Hàng May mặc    | 54.2%         | 17.4%       | 12.2%            | 14.6%            | 28.7%                 | 13.3%                 | 19,626          | 5,962  | 1.62 | 5.32    | 31,700                   |
| 30  | MSN | Thực phẩm       | 43.4%         | 48.4%       | 8.8%             | 9.9%             | 9.6%                  | 3.0%                  | 29,647          | 4,448  | 2.29 | 15.26   | 67,900                   |
| 31  | MSR | Khai khoáng     | 101.5%        | 207.9%      | 0.3%             | 9.3%             | 0.1%                  | 0.0%                  | 11,076          | 10     | 3.24 | 3496.33 | 35,900                   |
| 32  | MWG | Bán lẻ          | 121.4%        | 144.9%      | 4.5%             | 4.9%             | 23.0%                 | 9.1%                  | 22,575          | 4,814  | 3.37 | 15.81   | 76,100                   |
| 33  | NAF | Nước trái cây   | 55.8%         | 26.3%       | 7.0%             | 7.6%             | 16.5%                 | 6.7%                  | 11,491          | 2,140  | 4.22 | 22.64   | 48,450                   |
| 34  | NLG | Bất động sản    | 679.5%        | -62.1%      | 12.5%            | 29.6%            | 4.8%                  | 2.5%                  | 30,559          | 1,951  | 0.82 | 12.82   | 25,000                   |
| 35  | NT2 | Điện            | 383.5%        | 641.4%      | 11.1%            | 21.9%            | 25.0%                 | 12.6%                 | 16,880          | 3,926  | 1.27 | 5.48    | 21,500                   |
| 36  | NTP | VLXD            | 49.9%         | -6.3%       | 16.0%            | 10.8%            | 25.1%                 | 14.8%                 | 24,742          | 5,805  | 1.96 | 8.34    | 48,400                   |
| 37  | PLX | Dầu khí         | 441.0%        | 14.2%       | 0.8%             | 0.9%             | 9.2%                  | 3.2%                  | 22,781          | 2,305  | 1.58 | 15.58   | 35,900                   |
| 38  | POW | Điện            | 109.2%        | 585.3%      | 12.1%            | 7.9%             | 6.5%                  | 2.8%                  | 13,307          | 1,019  | 1.04 | 13.59   | 13,850                   |
| 39  | PVS | Dầu khí         | 73.3%         | 73.5%       | 3.5%             | 9.9%             | 11.8%                 | 5.0%                  | 31,694          | 3,722  | 1.15 | 9.81    | 36,500                   |
| 40  | QNS | Đường           | -28.4%        | -2.8%       | 14.2%            | 22.4%            | 18.6%                 | 13.6%                 | 28,956          | 5,231  | 1.69 | 9.35    | 48,900                   |
| 41  | SBT | Đường           | -13.0%        | -19.2%      | 3.7%             | 2.8%             | 6.7%                  | 2.2%                  | 13,938          | 866    | 1.52 | 24.54   | 21,250                   |
| 42  | SHB | Ngân hàng       | 49.8%         | 8.3%        | 40.7%            | 39.0%            | 19.1%                 | 1.5%                  | 14,800          | 2,605  | 0.87 | 4.97    | 12,950                   |
| 43  | SIP | Bất động sản    | 21.7%         | 6.3%        | 17.1%            | 17.4%            | 25.3%                 | 5.0%                  | 24,181          | 6,303  | 2.05 | 7.87    | 49,600                   |
| 44  | STB | Ngân hàng       | 31.8%         | -176.5%     | 33.0%            | -35.8%           | 10.3%                 | 0.7%                  | 31,756          | 3,150  | 2.19 | 22.09   | 69,600                   |
| 45  | TCB | Ngân hàng       | 14.2%         | 104.1%      | 46.4%            | 47.2%            | 15.4%                 | 2.3%                  | 25,331          | 3,663  | 1.26 | 8.70    | 31,850                   |
| 46  | TCM | Hàng May mặc    | -21.4%        | -24.2%      | 7.1%             | 5.4%             | 11.4%                 | 6.7%                  | 21,823          | 2,419  | 0.91 | 8.25    | 19,950                   |
| 47  | TRC | Cao su          | 60.4%         | -68.8%      | 49.0%            | 15.2%            | 13.1%                 | 11.5%                 | 69,312          | 8,669  | 1.15 | 9.22    | 79,900                   |
| 48  | VCB | Ngân hàng       | 5.3%          | 0.7%        | 50.0%            | 45.0%            | 16.6%                 | 1.6%                  | 27,231          | 4,213  | 2.18 | 14.10   | 59,400                   |
| 49  | VGT | Hàng May mặc    | 56.0%         | 57.7%       | 7.1%             | 8.4%             | 9.1%                  | 4.4%                  | 20,090          | 2,666  | 0.57 | 4.31    | 11,500                   |
| 50  | VHC | Thủy sản        | 33.5%         | -43.4%      | 13.1%            | 9.0%             | 14.4%                 | 10.6%                 | 44,495          | 6,465  | 1.27 | 8.74    | 56,500                   |
| 51  | VJC | Hàng không      | -43.9%        | 43618.4%    | 1.9%             | 1.7%             | 10.1%                 | 1.8%                  | 42,005          | 3,589  | 3.23 | 37.78   | 135,600                  |
| 52  | VNM | Sản phẩm từ sữa | 4.5%          | 31.7%       | 14.8%            | 16.6%            | 26.6%                 | 17.4%                 | 16,499          | 4,504  | 3.38 | 12.39   | 55,800                   |
| 53  | VPB | Ngân hàng       | 76.8%         | 61.1%       | 36.6%            | 36.2%            | 14.6%                 | 2.2%                  | 22,722          | 3,070  | 1.22 | 9.04    | 27,750                   |
| 54  | VTP | Vận tải         | -20.2%        | 17.3%       | 1.7%             | 2.6%             | 24.1%                 | 5.8%                  | 14,519          | 3,348  | 4.39 | 19.06   | 63,800                   |

Tín hiệu kỹ thuật

| Mã  | Thời gian          | Mẫu nền    | Giá cổ phiếu |
|-----|--------------------|------------|--------------|
| PLC | 13/7/2026 11:30 AM | Break Down | 20.4         |
| CTG | 13/7/2026 11:30 AM | Break Down | 32.95        |

## Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.